

QUỐC HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Luật số: / 2026/QH16

LUẬT

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT XUẤT BẢN

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15;

Quốc hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xuất bản số 19/2012/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 35/2018/QH14 và Luật số 112/2025/QH15.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xuất bản

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 3 như sau:

“Điều 3. Vị trí, mục đích và nguyên tắc của hoạt động xuất bản

1. Hoạt động xuất bản thuộc lĩnh vực văn hóa, tư tưởng của Đảng, Nhà nước và Nhân dân; đồng thời là ngành kinh tế - công nghệ, bộ phận quan trọng của công nghiệp văn hóa và hạ tầng tri thức quốc gia; giữ vai trò hạt nhân trong hệ sinh thái kiến tạo các giá trị, đóng góp vào tăng trưởng, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia và phát triển bền vững.

2. Hoạt động xuất bản nhằm tuyên truyền, bảo vệ nền tảng tư tưởng và chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; xây dựng, bồi đắp nền tảng tri thức quốc gia, tạo lập giá trị xã hội; tích lũy, sáng tạo và truyền bá các giá trị văn hóa, tinh thần; bảo tồn tiếng nói, chữ viết, tri thức truyền thống, phát huy giá trị văn hóa dân tộc và tinh hoa văn hóa nhân loại; phổ biến kiến thức, thúc đẩy học tập suốt đời; dẫn dắt, định hướng thẩm mỹ, góp phần nâng cao dân trí, phát triển văn hóa, xây dựng, bảo vệ, phát huy giá trị con người Việt Nam; góp phần bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ Tổ quốc và chủ quyền quốc gia; phát huy sức mạnh mềm, nâng cao vị thế của văn hoá Việt Nam.

3. Hoạt động xuất bản đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và sự quản lý thống nhất của Nhà nước. Đảng và Nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong định hướng và kiến tạo phát triển hoạt động xuất bản, xây dựng nền xuất bản chuyên nghiệp, nhân văn, hiện đại. Nhà nước ban hành và tổ chức thực hiện cơ chế, chính sách phát triển hoạt động xuất bản gắn với phát triển văn hóa đọc; tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng; thúc đẩy hợp tác công tư, đổi mới sáng tạo, ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số và hội nhập quốc tế; khuyến khích, thu hút, tạo điều kiện để các thành phần kinh tế tham gia phát triển hoạt động xuất bản theo quy định của pháp luật.



4. Tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xuất bản có trách nhiệm tuân thủ chuẩn mực đạo đức xã hội, đạo đức nghề nghiệp; tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.”.

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 4 như sau:

“Điều 4. Giải thích từ ngữ

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Xuất bản* là quá trình do nhà xuất bản hoặc cơ quan, tổ chức được phép xuất bản thực hiện nhằm tạo thành bản mẫu để in xuất bản phẩm hoặc tạo lập xuất bản phẩm điện tử, bao gồm các công đoạn sau:

a) *Khai thác và tổ chức bản thảo* là việc tìm kiếm, tạo lập, tiếp nhận, lựa chọn, đặt hàng, nhận chuyển giao quyền sử dụng hoặc quản lý và hoàn thiện bản thảo nhằm chuẩn bị cho quá trình xuất bản;

b) *Biên tập* là việc thẩm định, chỉnh sửa, hoàn thiện nội dung, hình thức bản thảo, bảo đảm chất lượng, tính chính xác và tuân thủ quy định của pháp luật;

c) *Thiết kế và chế bản* là việc trình bày, thiết kế mỹ thuật, kỹ thuật để tạo thành bản mẫu xuất bản phẩm in hoặc tệp xuất bản phẩm điện tử;

d) *Quyết định xuất bản* là quyết định của người có thẩm quyền của nhà xuất bản hoặc cơ quan, tổ chức được phép xuất bản phê duyệt bản mẫu để làm căn cứ in xuất bản phẩm hoặc tạo lập xuất bản phẩm điện tử;

đ) *Nộp lưu chiểu* là việc nhà xuất bản hoặc cơ quan, tổ chức được phép xuất bản chuyển xuất bản phẩm hoặc tệp xuất bản phẩm điện tử đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Luật này để phục vụ quản lý nhà nước.

2. *Nhà xuất bản* là tổ chức được Nhà nước thành lập hoặc cho phép thành lập theo quy định của Luật này, có chức năng thực hiện việc xuất bản xuất bản phẩm và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung, chất lượng và tính hợp pháp của xuất bản phẩm do mình xuất bản.

3. *Bản thảo* là bản viết tay, đánh máy hoặc bản được tạo ra bằng phương tiện điện tử của một tác phẩm, tài liệu để xuất bản.

4. *Bản mẫu* là bản hoàn chỉnh của tác phẩm, tài liệu sau khi được biên tập, được phê duyệt bằng quyết định xuất bản và làm căn cứ để in xuất bản phẩm hoặc tạo lập xuất bản phẩm điện tử.

5. *Xuất bản phẩm* là tác phẩm, tài liệu về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, giáo dục và đào tạo, khoa học, công nghệ, văn học, nghệ thuật được xuất bản thông qua nhà xuất bản, cơ quan, tổ chức được phép xuất bản tại Việt Nam hoặc được nhập khẩu vào Việt Nam theo quy định của Luật này; được thể hiện bằng ngôn ngữ, hình ảnh, âm thanh hoặc kết hợp các hình thức này, bao gồm các loại sau đây:

a) *Xuất bản phẩm in* là xuất bản phẩm được thể hiện dưới dạng vật chất, gồm sách in, sách chữ nổi, tranh, ảnh, bản đồ, áp-phích, tờ rời, tờ gấp, các loại lịch;

b) *Xuất bản phẩm điện tử* là xuất bản phẩm được tạo lập trực tiếp dưới dạng dữ liệu số hoặc được số hóa từ xuất bản phẩm in, sử dụng thông qua phương tiện điện tử, gồm sách điện tử và các hình thức khác do Chính phủ quy định.

6. *Tài liệu không kinh doanh* là xuất bản phẩm không dùng để mua, bán hoặc trao đổi bằng các hình thức kinh doanh khác, bao gồm các loại sau:

a) Tài liệu tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, phục vụ các sự kiện chính trị, lễ kỷ niệm của đất nước, địa phương;

b) Tài liệu hướng dẫn phòng chống thiên tai, dịch bệnh và bảo vệ môi trường;

c) Tài liệu giới thiệu hoạt động, kỷ yếu hội nghị, hội thảo của các cơ quan, tổ chức Việt Nam, cơ quan, tổ chức nước ngoài đang hoạt động hợp pháp tại Việt Nam;

d) Tài liệu lịch sử Đảng, chính quyền địa phương.

7. *Tái bản* là việc nhà xuất bản thực hiện việc xuất bản lại xuất bản phẩm đã được xuất bản hợp pháp trước đó, có sửa chữa, bổ sung hoặc không sửa chữa, bổ sung.

8. *Lưu chiếu* là việc cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận và lưu giữ xuất bản phẩm in hoặc tệp điện tử của xuất bản phẩm điện tử để xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ quản lý nhà nước và xử lý vi phạm.

9. *In xuất bản phẩm* là việc sử dụng thiết bị để thực hiện các công đoạn chế bản, in và gia công sau in nhằm tạo ra xuất bản phẩm từ bản mẫu, bao gồm các công đoạn:

a) Chế bản là quá trình chuẩn bị bản mẫu hoặc dữ liệu in bằng phương pháp kỹ thuật, công nghệ để tạo đầu vào phục vụ công đoạn in xuất bản phẩm;

b) In là quá trình sử dụng thiết bị để chuyển nội dung từ bản mẫu hoặc dữ liệu in lên vật mang tin nhằm tạo thành xuất bản phẩm;

c) Gia công sau in là quá trình thực hiện các công đoạn kỹ thuật sau khi in nhằm hoàn thiện xuất bản phẩm theo yêu cầu về hình thức, kết cấu và chất lượng.

10. *Cơ sở in xuất bản phẩm* (sau đây gọi là cơ sở in) là đơn vị thực hiện toàn bộ hoặc từng công đoạn quy định tại khoản 9 Điều này và hoạt động theo các loại hình sau:

a) Doanh nghiệp; đơn vị sự nghiệp; tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định của Luật Hợp tác xã;

b) Chi nhánh, địa điểm kinh doanh của các loại hình quy định tại điểm a khoản này (không bao gồm địa điểm kinh doanh thuộc chi nhánh); hoạt động in xuất bản phẩm phát sinh tại địa điểm kinh doanh thuộc chi nhánh được xác định là hoạt động do chi nhánh thực hiện;

c) Hộ kinh doanh.

11. *Phát hành xuất bản phẩm* là việc đưa xuất bản phẩm đến người sử dụng theo một hoặc nhiều hình thức:

a) Bán, cho thuê, xuất khẩu, nhập khẩu, tham gia hội chợ, phân phối qua đại lý, ký gửi hoặc hình thức khác nhằm mục đích kinh doanh (sau đây gọi là kinh doanh phát hành xuất bản phẩm);

b) Phân phát, cho, biếu, tặng, cho mượn, triển lãm, lưu hành nội bộ, viện trợ, tặng kèm không thu tiền và các hình thức khác không nhằm mục đích kinh doanh (sau đây gọi là phát hành xuất bản phẩm không nhằm mục đích kinh doanh).

12. *Quyết định phát hành* là quyết định của người có thẩm quyền của nhà xuất bản hoặc cơ quan, tổ chức được phép xuất bản xác nhận xuất bản phẩm đã hoàn thành việc nộp lưu chiểu theo quy định của Luật này và được phép phát hành.

13. *Cơ sở kinh doanh phát hành xuất bản phẩm* (sau đây gọi là cơ sở phát hành) là đơn vị thực hiện một hoặc nhiều hình thức kinh doanh quy định tại điểm a khoản 11 Điều này, không bao gồm kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm và hoạt động theo các loại hình sau đây:

a) Doanh nghiệp; đơn vị sự nghiệp; tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định của Luật Hợp tác xã;

b) Chi nhánh, địa điểm kinh doanh và địa điểm kinh doanh thuộc chi nhánh của các loại hình quy định tại điểm a khoản này;

c) Hộ kinh doanh.

14. *Cơ sở cung cấp dịch vụ trung gian phát hành xuất bản phẩm* là tổ chức cung cấp nền tảng thương mại điện tử cho phép cơ sở phát hành xuất bản phẩm đăng ký tài khoản để thực hiện hoạt động phát hành xuất bản phẩm trên chính nền tảng đó.

15. *Cơ sở kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm* (sau đây gọi là cơ sở nhập khẩu) là đơn vị trực tiếp thực hiện nhập khẩu xuất bản phẩm để kinh doanh và hoạt động theo các loại hình sau đây:

a) Doanh nghiệp; đơn vị sự nghiệp; tổ hợp tác, hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã theo quy định của Luật Hợp tác xã;

b) Chi nhánh, địa điểm kinh doanh (bao gồm địa điểm kinh doanh thuộc chi nhánh) của các loại hình quy định tại điểm a khoản này;

c) Hộ kinh doanh.

16. *Người đứng đầu cơ sở in, cơ sở phát hành* là người đại diện theo pháp luật và trực tiếp quản lý, điều hành hoạt động của cơ sở.

17. *Biên tập viên* là người làm công tác biên tập tại nhà xuất bản theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này, đáp ứng tiêu chuẩn và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 19 Luật này.

18. *Nội dung có tính chất xuất bản trên không gian mạng* là nội dung do tổ chức, cá nhân tạo lập và phổ biến đến công chúng trên không gian mạng mà không thông qua nhà xuất bản hoặc cơ quan, tổ chức được phép xuất bản theo quy định của Luật này hoặc không theo quy trình xuất bản quy định tại Luật này, được thể hiện dưới dạng tác phẩm hoặc tài liệu độc lập, hoàn chỉnh, có thể được người tiếp nhận hiểu và sử dụng mà không cần phụ thuộc vào tác phẩm, tài liệu khác, có hình thức hoặc phương thức thể hiện tương tự xuất bản phẩm và được lưu trữ, có thể truy cập sau thời điểm phổ biến.

Nội dung có tính chất xuất bản trên không gian mạng không bao gồm sản phẩm báo chí, thông tin trên mạng xã hội, trang thông tin điện tử cá nhân và các hình thức cung cấp, trao đổi thông tin khác theo quy định của pháp luật về báo chí và pháp luật về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.

19. *In nổi bản trái phép xuất bản phẩm* là hành vi sử dụng thiết bị chế bản, in, gia công sau in để in thêm xuất bản phẩm vượt quá số lượng được phép theo giấy xác nhận đăng ký kế hoạch xuất bản, quyết định xuất bản, giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh, giấy phép in xuất khẩu theo quy định của Luật này.

20. *In lậu xuất bản phẩm* là hành vi sử dụng thiết bị chế bản, in, gia công sau in để in, sao chép xuất bản phẩm đã được xuất bản hợp pháp khi không có một trong các giấy tờ quy định tại khoản 19 Điều này hoặc không được phép của chủ sở hữu quyền tác giả theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

21. *Làm xuất bản phẩm giả* là hành vi tạo ra sản phẩm bằng việc sử dụng trái phép tên, biểu tượng, thông tin hoặc dấu hiệu nhận diện của nhà xuất bản, tác giả hoặc tổ chức, cá nhân có quyền, hoặc tạo ra sản phẩm có hình thức, nội dung, thông tin thể hiện như xuất bản phẩm nhưng không có dấu hiệu pháp lý xác định xuất bản phẩm theo quy định của pháp luật về xuất bản, gây nhầm lẫn cho người sử dụng về chủ thể thực hiện hoặc nguồn gốc của xuất bản phẩm.”.

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 6 như sau:

“Điều 6. Quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản

1. Nội dung quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản bao gồm:

a) Thực hiện các nhiệm vụ chung về quản lý nhà nước liên quan đến hoạt động xuất bản theo quy định của pháp luật;

b) Quản lý việc đăng ký kế hoạch xuất bản; cấp, cấp lại, điều chỉnh, thu hồi giấy phép, văn bản xác nhận đăng ký và các thủ tục quản lý chuyên ngành theo quy định của Luật này;

c) Tổ chức công tác lưu chiếu xuất bản phẩm; đọc, khai thác, đối chiếu thông tin lưu chiếu phục vụ quản lý nhà nước; quản lý lưu chiếu điện tử theo quy định của Luật này;

d) Tổ chức quản lý việc công bố nội dung có tính chất xuất bản trên không gian mạng; bảo đảm cho các tổ chức, cá nhân công bố nội dung này tuân thủ các quy định của Luật này và pháp luật liên quan;

đ) Xây dựng, quản lý, vận hành hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, bao gồm cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất bản phục vụ công tác quản lý nhà nước theo quy định của Chính phủ; tổ chức kết nối, chia sẻ dữ liệu với cơ sở dữ liệu quốc gia và cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác theo quy định của pháp luật về dữ liệu; quản lý về công nghệ thông tin, an ninh mạng trong bảo đảm an toàn hệ thống phục vụ quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản;

e) Tổ chức phối hợp liên ngành trong phòng, chống in lậu, in giả, in nổi bản trái phép, xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan; quản lý xuất bản phẩm liên quan đến quốc phòng, an ninh, bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, an ninh mạng và pháp luật có liên quan;

g) Tổ chức thực hiện các hoạt động phát triển thị trường xuất bản, phát triển văn hóa đọc, quảng bá xuất bản phẩm theo quy định của pháp luật;

h) Quản lý, hướng dẫn hoạt động của các hội, hiệp hội trong lĩnh vực xuất bản, in và phát hành theo quy định của pháp luật; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người làm công tác xuất bản theo quy định pháp.

2. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản trong phạm vi cả nước. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản. Các bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản theo thẩm quyền.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.”.

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 7 như sau:

“Điều 7. Chính sách của Nhà nước về phát triển hoạt động xuất bản

1. Miễn, giảm tiền thuê đất, thuê bất động sản là tài sản công đối với nhà xuất bản theo quy định của pháp luật.

2. Ưu đãi thuế, tín dụng đối với cơ sở in đầu tư đổi mới công nghệ, hiện đại hóa thiết bị, ứng dụng công nghệ xanh, kinh tế tuần hoàn; đối với cơ sở phát hành đầu tư phát triển mạng lưới phân phối xuất bản phẩm; đối với phát triển hạ tầng số, hiện đại hóa hoạt động xuất bản theo quy định của pháp luật.

3. Đầu tư, xây dựng và phát triển các tập đoàn xuất bản, truyền thông chủ lực quốc gia; đầu tư xây dựng, phát triển hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ quản lý nhà nước, chuyển đổi số và phát triển thị trường xuất bản; đầu tư phát triển xuất bản và phát hành xuất bản phẩm điện tử, ứng dụng trí tuệ nhân tạo vào hoạt động xuất bản theo quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật có liên quan; bố trí quỹ đất cho cơ sở in xuất bản phẩm trong khu dân cư di dời vào khu công nghiệp đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về đất đai, bảo vệ môi trường.

4. Đặt hàng, giao nhiệm vụ, đấu thầu để xuất bản, in, phát hành xuất bản phẩm và mua, hỗ trợ chi phí vận chuyển xuất bản phẩm phục vụ nhiệm vụ chính trị, quốc phòng, an ninh, thông tin đối ngoại, ứng phó tình trạng khẩn cấp, phòng,

chống thiên tai, dịch bệnh và các nhiệm vụ trọng yếu khác của đất nước; xuất bản phẩm phục vụ đồng bào dân tộc thiểu số (tiếng Việt và tiếng dân tộc), miền núi, biên giới, hải đảo, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; xuất bản phẩm dành cho trẻ em, người khiếm thị và các đối tượng yếu thế khác theo quy định của pháp luật.

5. Hỗ trợ nhà xuất bản mua bản quyền, dịch thuật, biên soạn, xuất bản, phát hành xuất bản phẩm có giá trị phục vụ nhiệm vụ chính trị, phát triển văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ, hội nhập quốc tế; hỗ trợ xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử phục vụ đồng bào dân tộc thiểu số và nâng cao khả năng tiếp cận, khai thác và sử dụng xuất bản phẩm điện tử; hỗ trợ xúc tiến thương mại, truyền thông, quảng bá xuất bản phẩm trong nước và ra nước ngoài; hỗ trợ hoạt động phát triển không gian văn hoá đọc và hoạt động khuyến đọc.

6. Đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ làm công tác xuất bản, in và phát hành xuất bản phẩm; thu hút, trọng dụng và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số, hội nhập quốc tế và phát triển hoạt động xuất bản; khuyến khích liên kết giữa cơ sở đào tạo với nhà xuất bản, cơ sở in, cơ sở phát hành trong đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực.

7. Tôn vinh, trao giải thưởng đối với xuất bản phẩm có giá trị và tổ chức, cá nhân có đóng góp trong hoạt động xuất bản và phát triển văn hóa đọc; khuyến khích huy động, tài trợ từ các nguồn lực hợp pháp cho phát triển văn hóa đọc.

8. Thu hút các nguồn lực xã hội, tăng cường hợp tác công - tư phát triển các hoạt động xuất bản; phát huy vai trò của Hội Xuất bản Việt Nam và các hội, hiệp hội trong hoạt động xuất bản theo quy định của pháp luật.”.

5. Sửa đổi khoản 2 Điều 10 như sau:

“2. Nghiêm cấm thực hiện các hành vi sau đây:

a) Tổ chức xuất bản mà không được xác nhận đăng ký kế hoạch xuất bản hoặc không có quyết định xuất bản hoặc không có giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh hoặc không thông qua nhà xuất bản;

b) Thay đổi, làm sai lệch nội dung bản mẫu đã được ký duyệt, quyết định xuất bản;

c) In nôi bản trái phép xuất bản phẩm; in lậu xuất bản phẩm; làm giả xuất bản phẩm;

d) Tàng trữ để phát hành hoặc phát hành xuất bản phẩm do in nôi bản trái phép hoặc do in lậu hoặc do làm giả;

đ) Xuất bản, in, phát hành xuất bản phẩm đã bị đình chỉ phát hành, thu hồi, tịch thu, cấm lưu hành, tiêu hủy, nhập khẩu trái phép;

e) Xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử vi phạm quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ;

g) Cung cấp hoặc duy trì việc phát hành xuất bản phẩm trên nền tảng thương mại điện tử trung gian đối với xuất bản phẩm đã bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định hoặc yêu cầu đình chỉ phát hành, thu hồi, tịch thu, cấm lưu hành hoặc tiêu hủy.

h) Không ngăn chặn, gỡ bỏ xuất bản phẩm có nội dung vi phạm pháp luật hoặc xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trên các nền tảng, ứng dụng do mình quản lý, vận hành.

i) Đe dọa tính mạng, uy hiếp tinh thần, sức khỏe; xúc phạm uy tín, danh dự, nhân phẩm hoặc cản trở trái pháp luật hoạt động nghề nghiệp của biên tập viên, người làm công tác xuất bản;

k) Phổ biến nội dung có tính chất xuất bản trên môi trường mạng không thuộc đối tượng và không đáp ứng các điều kiện theo quy định của Chính phủ.”.

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 12 như sau:

“Điều 12. Đối tượng thành lập, loại hình tổ chức và mô hình nhà xuất bản

1. Cơ quan, tổ chức sau đây được thành lập nhà xuất bản (sau đây gọi chung là cơ quan chủ quản nhà xuất bản):

a) Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, tổ chức chính trị ở trung ương và cấp tỉnh, tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương và cấp tỉnh;

Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh không thành lập nhà xuất bản thì cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được thành lập nhà xuất bản;

b) Đơn vị sự nghiệp công lập ở trung ương; tổ chức hội quần chúng được Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ ở trung ương trực tiếp sáng tạo ra tác phẩm, tài liệu khoa học, học thuật;

c) Cơ sở giáo dục đại học công lập trực thuộc bộ, cơ quan ngang bộ.

2. Nhà xuất bản tổ chức và hoạt động theo loại hình đơn vị sự nghiệp công lập hoặc doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Trường hợp đáp ứng điều kiện do Chính phủ quy định thì nhà xuất bản được tổ chức và hoạt động theo mô hình cơ quan xuất bản, truyền thông chủ lực quốc gia theo quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Cơ quan xuất bản, truyền thông chủ lực quốc gia là nhà xuất bản hoạt động đa nền tảng, đa sản phẩm; có các đơn vị sự nghiệp trực thuộc hoặc doanh nghiệp thành viên hoạt động trong lĩnh vực xuất bản, truyền thông; có cơ chế tài chính đặc thù; được thành lập phù hợp với chiến lược phát triển hoạt động xuất bản và theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.”.

7. Sửa đổi, bổ sung Điều 14 như sau:

“Điều 14. Cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép thành lập và tạm dừng hoạt động của nhà xuất bản

1. Trước khi thành lập nhà xuất bản, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 1 Điều 12 của Luật này lập hồ sơ đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp giấy phép thành lập nhà xuất bản thuộc cơ quan, tổ chức mình.

2. Cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 1 Điều 12 của Luật này đã được cấp giấy phép thành lập nhà xuất (sau đây gọi chung là cơ quan chủ quản nhà xuất bản) phải đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp lại giấy phép thành lập nhà xuất bản trong các trường hợp sau đây:

a) Thay đổi tên, tôn chỉ, mục đích, chức năng, nhiệm vụ, đối tượng phục vụ, loại hình tổ chức;

b) Thay đổi cơ quan chủ quản hoặc tên cơ quan chủ quản mà không thay đổi tôn chỉ, mục đích, chức năng, nhiệm vụ, đối tượng phục vụ;

c) Giấy phép thành lập nhà xuất bản bị mất, bị hư hỏng.

3. Nhà xuất bản phải tạm dừng hoạt động trong các trường hợp sau đây:

a) Không bảo đảm điều kiện quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 13 của Luật này;

b) Thực hiện sắp xếp tổ chức, chuyển đổi mô hình, tái cấu trúc hoặc vì lý do chính đáng khác;

c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

4. Các trường hợp thu hồi giấy phép thành lập nhà xuất bản:

a) Hết thời hạn tạm dừng mà không khắc phục được nguyên nhân dẫn đến phải tạm dừng hoạt động nhà xuất bản;

b) Cơ quan chủ quản không ra quyết định thành lập nhà xuất bản trong 06 tháng kể từ ngày được cấp giấy phép;

c) Trong 12 tháng liên tục không có xuất bản phẩm nộp lưu chiểu;

d) Không đáp ứng một trong các điều kiện tại Điều 13 của Luật này và gây hậu quả nghiêm trọng;

đ) Vi phạm nghiêm trọng các quy định khác của pháp luật;

e) Nhà xuất bản bị hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, phá sản hoặc cơ quan chủ quản đề nghị chấm dứt hoạt động.

5. Chính phủ quy định chi tiết trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép thành lập; thời hạn tạm dừng hoạt động và phục hồi hoạt động của nhà xuất bản.”.

8. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3 Điều 16 như sau:

“2. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức đối với tổng giám đốc hoặc giám đốc, phó tổng giám đốc hoặc phó giám đốc, tổng biên tập, phó tổng biên tập nhà xuất bản.

Việc bổ nhiệm đối với tổng giám đốc hoặc giám đốc, phó tổng giám đốc hoặc phó giám đốc, tổng biên tập, phó tổng biên tập nhà xuất bản sau khi có văn bản chấp thuận của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch theo quy định của Chính phủ.

3. Định hướng hoạt động của nhà xuất bản; phê duyệt kế hoạch xuất bản của nhà xuất bản đối với một số đề tài xuất bản trong danh mục do Chính phủ quy định.”.

9. Sửa đổi, bổ sung Điều 17 như sau:

“Điều 17. Tiêu chuẩn các chức danh lãnh đạo nhà xuất bản

1. Tiêu chuẩn đối với tổng giám đốc hoặc giám đốc và phó tổng giám đốc hoặc phó giám đốc:

- a) Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam;
- b) Có trình độ đại học trở lên và đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định của cơ quan có thẩm quyền;
- c) Hoàn thành chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý nhà nước về xuất bản;
- d) Có ít nhất 02 năm làm công tác biên tập hoặc chỉ đạo, quản lý xuất bản, báo chí;

đ) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật.

2. Tiêu chuẩn đối với tổng biên tập, phó tổng biên tập:

- a) Có đủ tiêu chuẩn quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này;
- b) Có chứng chỉ hành nghề biên tập;
- c) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật.

3. Đối với nhà xuất bản được tổ chức và hoạt động theo loại hình doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, trường hợp có chức danh Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc chủ tịch công ty thì chủ tịch hội đồng thành viên hoặc chủ tịch công ty đồng thời là tổng giám đốc hoặc giám đốc nhà xuất bản theo quy định của Luật này.

4. Người đứng đầu cơ quan chủ quản nhà xuất bản không được kiêm giữ chức vụ tổng giám đốc hoặc giám đốc nhà xuất bản; lãnh đạo nhà xuất bản này không được kiêm giữ chức vụ lãnh đạo nhà xuất bản khác.

5. Trường hợp nhà xuất bản được thành lập theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 12 của Luật này hoặc được sắp xếp, tổ chức lại mà có chức năng xuất bản tạp chí thì tổng giám đốc hoặc giám đốc nhà xuất bản phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật về báo chí và đồng thời là tổng biên tập tạp chí.”

10. Sửa đổi, bổ sung Điều 20 như sau:

“Điều 20. Cấp, cấp lại, thu hồi chứng chỉ hành nghề biên tập

1. Người thực hiện công tác biên tập, có đủ tiêu chuẩn quy định tại điểm a, b và c khoản 1 Điều 19 của Luật này, lập hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề biên tập gửi Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm xem xét, cấp chứng chỉ hành nghề biên tập; trường hợp không cấp chứng chỉ phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

2. Chứng chỉ hành nghề biên tập bị thu hồi trong các trường hợp sau đây:

a) Biên tập viên có xuất bản phẩm do mình biên tập bị cơ quan có thẩm quyền cấm lưu hành, thu hồi, tịch thu, tiêu hủy;

b) Biên tập viên trong 01 (một) năm có 02 (hai) xuất bản phẩm hoặc trong 02 (hai) năm liên tục có xuất bản phẩm do mình biên tập sai phạm về nội dung mà bị cơ quan có thẩm quyền buộc phải sửa chữa mới được phát hành;

c) Biên tập viên không trực tiếp thực hiện công tác biên tập trong 36 tháng;

d) Biên tập viên bị kết án bằng bản án có hiệu lực pháp luật của tòa án.

3. Chứng chỉ hành nghề biên tập được cấp lại trong trường hợp sau đây:

a) Chứng chỉ bị mất hoặc bị hư hỏng;

b) Thay đổi cơ quan công tác của biên tập viên;

c) Sau khi hết thời hạn và biên tập viên tham gia đầy đủ các khóa bồi dưỡng sau khi được cấp chứng chỉ.

4. Chính phủ quy định chi tiết trình tự, thủ tục cấp, cấp lại và thu hồi chứng chỉ hành nghề biên tập.”.

11. Sửa đổi, bổ sung Điều 22 như sau:

“Điều 22. Đăng ký kế hoạch xuất bản

1. Trước khi xuất bản tác phẩm, tài liệu hoặc tái bản xuất bản phẩm, nhà xuất bản phải đăng ký kế hoạch xuất bản với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Nội dung đăng ký kế hoạch xuất bản phải phù hợp với tôn chỉ, mục đích, chức năng, nhiệm vụ của nhà xuất bản.

2. Xác nhận đăng ký kế hoạch xuất bản là căn cứ để nhà xuất bản ra quyết định xuất bản và có giá trị đến hết ngày 31 tháng 12 của năm xác nhận đăng ký.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.”.

12. Sửa đổi, bổ sung Điều 23 như sau:

“Điều 23. Liên kết của nhà xuất bản

1. Liên kết xuất bản xuất bản phẩm:

a) Tổ chức, cá nhân tham gia liên kết với nhà xuất bản gồm chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan, tổ chức, cá nhân có tác phẩm, tài liệu hợp pháp để xuất bản đối với từng xuất bản phẩm;

b) Nội dung, hình thức liên kết bao gồm khai thác bản thảo, đầu tư kinh phí, cung cấp dịch vụ biên tập bản thảo và các hoạt động khác phục vụ việc tạo lập và hoàn thiện xuất bản phẩm trước khi phát hành theo quy định của pháp luật;

c) Nhà xuất bản trực tiếp tổ chức biên tập hoàn chỉnh bản thảo; việc biên tập và quyết định nội dung xuất bản phẩm phải được thực hiện độc lập, khách quan, tuân thủ quy định của Luật này; không được chuyển giao quyền quyết định nội dung xuất bản phẩm dưới bất kỳ hình thức nào và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung xuất bản phẩm.

d) Đối tác liên kết chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của tác phẩm, tài liệu, quyền tác giả, quyền liên quan và các nội dung khác thuộc phạm vi hợp đồng liên kết; không được sửa đổi nội dung xuất bản phẩm đã được nhà xuất bản phê duyệt; phối hợp thực hiện việc sửa chữa nội dung, hình thức xuất bản phẩm theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc nhà xuất bản; khi xuất bản phẩm liên kết vi phạm quy định của pháp luật, đối tác liên kết chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật tương ứng với nội dung, phạm vi và nghĩa vụ đã xác định trong hợp đồng liên kết.

đ) Việc liên kết phải được thực hiện trên cơ sở hợp đồng bằng văn bản; hợp đồng phải xác định rõ nội dung, phạm vi liên kết, quyền và nghĩa vụ, phạm vi trách nhiệm của các bên tham gia hoạt động liên kết xuất bản; trường hợp liên kết xuất bản nhiều xuất bản phẩm với cùng một đối tác thì có thể giao kết trong một hợp đồng;

2. Liên kết in xuất bản phẩm, phát hành xuất bản phẩm, cung cấp dịch vụ trung gian phát hành xuất bản phẩm:

a) Tổ chức, cá nhân tham gia liên kết với nhà xuất bản gồm cơ sở in, cơ sở phát hành, cơ sở cung cấp dịch vụ trung gian phát hành xuất bản phẩm, tổ chức, doanh nghiệp cung cấp hạ tầng kỹ thuật, công nghệ, nền tảng số và các dịch vụ kỹ thuật khác;

b) Nội dung, hình thức liên kết bao gồm chế bản, in, gia công sau in, phát hành xuất bản phẩm, phát hành xuất bản phẩm điện tử, cung cấp dịch vụ trung gian phát hành, cung cấp hạ tầng kỹ thuật, công nghệ, nền tảng số và các dịch vụ kỹ thuật khác;

c) Nhà xuất bản chịu trách nhiệm về nội dung xuất bản phẩm; quyết định việc phát hành xuất bản phẩm theo quy định của Luật này; kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung liên kết theo hợp đồng đã ký kết;

d) Đối tác liên kết thực hiện đúng nội dung xuất bản phẩm đã được nhà xuất bản duyệt để in hoặc phát hành trên môi trường điện tử; chịu trách nhiệm về chất lượng, tính hợp pháp, an toàn của dịch vụ, công nghệ, hạ tầng, dữ liệu và các hoạt động thuộc phạm vi được giao;

đ) Các bên có trách nhiệm phối hợp đình chỉ phát hành, gỡ bỏ, thu hồi hoặc tiêu hủy xuất bản phẩm theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc nhà xuất bản.

3. Liên kết hình thành hệ sinh thái xuất bản:

a) Tổ chức, cá nhân tham gia liên kết với nhà xuất bản gồm tổ chức, doanh nghiệp hoạt động hợp pháp trong các lĩnh vực của công nghiệp văn hóa và các lĩnh vực khác có liên quan theo quy định của pháp luật;

b) Nội dung, hình thức liên kết bao gồm hoạt động sáng tạo, số hóa, sản xuất, phân phối, khai thác, quảng bá, phổ biến, chuyển thể, thương mại hóa nội dung xuất bản phẩm; cung cấp hạ tầng, công nghệ, nền tảng số, dữ liệu, dịch vụ số; hình thành hệ sinh thái xuất bản;

c) Nhà xuất bản chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của xuất bản phẩm; quyền khai thác nội dung xuất bản phẩm và quyền chuyển giao cho đối tác trong hệ sinh thái xuất bản;

d) Đối tác trong hệ sinh thái xuất bản chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung, hình thức và việc tuân thủ pháp luật đối với sản phẩm, dịch vụ được tạo ra trên cơ sở khai thác, chuyển thể, sử dụng xuất bản phẩm theo thỏa thuận;

đ) Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của các bên, bao gồm quyền sở hữu, quyền khai thác, chia sẻ, sử dụng dữ liệu và các tài sản hình thành từ hoạt động liên kết được xác định theo hợp đồng liên kết và quy định của pháp luật có liên quan.

4. Hoạt động liên kết quy định tại Điều này phải bảo đảm các nguyên tắc sau đây:

a) Tuân thủ quy định của pháp luật về xuất bản, sở hữu trí tuệ, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân, bảo vệ bí mật nhà nước và pháp luật có liên quan;

b) Bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của các bên tham gia liên kết, quyền và lợi ích hợp pháp của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan và người sử dụng xuất bản phẩm;

c) Bảo đảm công khai, minh bạch về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của các bên tham gia liên kết;

d) Không làm ảnh hưởng đến quyền quyết định nội dung xuất bản phẩm và trách nhiệm của nhà xuất bản theo quy định của Luật này;

đ) Bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, an toàn dữ liệu và các yêu cầu khác theo quy định của pháp luật;

5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.”.

13. Sửa đổi, bổ sung Điều 25 như sau:

“Điều 25. Xuất bản tài liệu không kinh doanh

1. Cơ quan, tổ chức xuất bản tài liệu không kinh doanh nếu không thực hiện thông qua nhà xuất bản thì phải có giấy phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi cơ quan, tổ chức đặt trụ sở và phải nộp phí thẩm định nội dung theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương và cấp tỉnh khi xuất bản các tài liệu không kinh doanh có nội dung phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình thì không phải có giấy phép theo quy định tại khoản 1 Điều này nhưng phải ban hành quyết định xuất bản, thực hiện lưu trữ và chịu trách nhiệm đối với tài liệu đó.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.”.

14. Sửa đổi, bổ sung Điều 27 như sau:

“Điều 27. Thông tin ghi trên xuất bản phẩm

1. Thông tin ghi trên xuất bản phẩm phải bảo đảm các nguyên tắc sau đây:

- a) Bảo đảm nhận diện xuất bản phẩm và xác định tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm;
- b) Chính xác, trung thực, phù hợp với loại hình và nội dung của xuất bản phẩm;
- c) Bảo đảm phục vụ quản lý nhà nước, lưu chiều, truy xuất nguồn gốc và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân;
- d) Bảo đảm khả năng hiển thị, tiếp cận, khai thác và quản lý trên môi trường số đối với xuất bản phẩm điện tử.

2. Chính phủ quy định chi tiết thông tin phải ghi trên xuất bản phẩm.”.

15. Sửa đổi, bổ sung Điều 28 như sau:

“Điều 28. Nộp xuất bản phẩm lưu chiều và nộp xuất bản phẩm cho Thư viện Quốc gia Việt Nam

- 1. Xuất bản phẩm của nhà xuất bản và tài liệu không kinh doanh của cơ quan, tổ chức được cấp giấy phép xuất bản phải nộp lưu chiều.
- 2. Việc nộp xuất bản phẩm lưu chiều được thực hiện như sau:
 - a) Nhà xuất bản nộp lưu chiều cho Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
 - b) Cơ quan, tổ chức được cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh nộp lưu chiều cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã cấp giấy phép.
- 3. Xuất bản phẩm được nộp lưu chiều theo các phương thức sau:
 - a) Đối với xuất bản phẩm in, nộp bản in theo số lượng quy định;
 - b) Đối với xuất bản phẩm điện tử, nộp tệp điện tử thông qua hệ thống lưu chiều điện tử.
- 4. Sau khi hoàn thành việc nộp lưu chiều, nhà xuất bản, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 2 Điều này được quyết định thời điểm phát hành xuất bản phẩm trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày nộp lưu chiều; trường hợp quá thời hạn 12 tháng mà không phát hành xuất bản phẩm thì phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan nhận lưu chiều.
- 5. Nhà xuất bản có trách nhiệm nộp xuất bản phẩm và tệp điện tử của xuất bản phẩm cho Thư viện Quốc gia Việt Nam.

6. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.”.

16. Sửa đổi, bổ sung Điều 32 như sau:

“Điều 32. Cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm

1. Điều kiện để cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm:

a) Người đứng đầu là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về cư trú;

b) Có mặt bằng sản xuất, thiết bị để thực hiện một hoặc các công đoạn chế bản, in và gia công sau in xuất bản phẩm;

c) Có chủ sở hữu là tổ chức của Việt Nam, cá nhân là công dân Việt Nam, trừ trường hợp Chính phủ quy định.

2. Thẩm quyền cấp, cấp lại giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm:

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp, cấp lại giấy phép cho cơ sở in quy định tại điểm a và điểm b khoản 10 Điều 4 của Luật này trên địa bàn;

b) Ủy ban nhân dân cấp xã cấp, cấp lại cấp giấy phép cho cơ sở in quy định tại điểm c khoản 10 Điều 4 của Luật này trên địa bàn.

3. Giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm được cấp lại trong trường hợp sau đây:

a) Bị mất hoặc bị hư hỏng;

b) Có thay đổi về tên gọi, địa chỉ, thành lập chi nhánh, chia tách hoặc sáp nhập.

4. Giấy phép hoạt động in bị thu hồi theo một trong các trường hợp sau đây:

a) Cơ sở in không đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này trong quá trình hoạt động;

b) Cơ sở in có các thay đổi quy định tại điểm b khoản 3 Điều này mà không làm thủ tục cấp lại giấy phép;

c) Cơ sở in giải thể, phá sản, tự chấm dứt hoạt động;

d) Không bảo đảm các giải pháp quản lý chống in nổi bản trái phép, in lậu, làm giả xuất bản phẩm.

5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.”.

17. Sửa đổi, bổ sung Điều 33 như sau:

“Điều 33. Thực hiện chế bản, in, gia công sau in xuất bản phẩm

1. Cơ sở in được thực hiện chế bản, in, gia công sau in xuất bản phẩm theo một trong các trường hợp sau đây:

a) Cung cấp dịch vụ chế bản, in, gia công sau in xuất bản phẩm cho tổ chức, cá nhân;

b) Thực hiện chế bản, in, gia công sau in xuất bản phẩm với tư cách là đối tác liên kết của nhà xuất bản;

c) Là cơ quan, tổ chức được xuất bản tài liệu không kinh doanh theo quy định tại Điều 25 của Luật này và có giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm.

2. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.”.

18. Sửa đổi, bổ sung Điều 34 như sau:

“Điều 34. In xuất khẩu xuất bản phẩm

1. Cơ sở in được chế bản, in, gia công sau in xuất bản phẩm để xuất khẩu 100% theo đơn đặt hàng của tổ chức, cá nhân nước ngoài sau khi có giấy phép của cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều này.

2. Các trường hợp in xuất khẩu xuất bản phẩm bao gồm:

a) Cơ sở in tự đầu tư nguyên vật liệu và trực tiếp thực hiện chế bản, in, gia công sau in xuất bản phẩm;

b) Cơ sở in tiếp nhận nguyên vật liệu từ tổ chức, cá nhân nước ngoài, sau đó trực tiếp thực hiện chế bản, in, gia công sau in xuất bản phẩm.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy phép in xuất khẩu xuất bản phẩm cho cơ sở in có giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm quy định tại Điều 32 của Luật này trên địa bàn.

Trường hợp xuất bản phẩm in xuất khẩu có dấu hiệu vi phạm khoản 1 Điều 10 của Luật này phải tổ chức thẩm định để xem xét, quyết định việc cấp giấy phép và phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do nếu không cấp giấy phép.

4. Cơ sở in chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc in đúng nội dung, hình thức xuất bản phẩm đã được cấp giấy phép in xuất khẩu và không phải thông báo hoạt động kinh doanh phát hành xuất bản phẩm theo quy định tại Điều 36 của Luật này.

5. Tổ chức, cá nhân nước ngoài đặt in xuất khẩu chịu trách nhiệm về bản quyền đối với xuất bản phẩm đặt in xuất khẩu.

6. Xuất bản phẩm in xuất khẩu cho tổ chức, cá nhân nước ngoài phải xuất khẩu 100%; trường hợp phát hành, sử dụng tại Việt Nam thì phải thực hiện thủ tục đăng ký nhập khẩu xuất bản phẩm để kinh doanh theo quy định tại Điều 39 của Luật này và thực hiện các thủ tục hải quan theo quy định của pháp luật về hải quan.

7. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.”.

19. Sửa đổi, bổ sung Điều 36 như sau:

“Điều 36. Hoạt động phát hành xuất bản phẩm

1. Cơ sở phát hành quy định tại khoản 13 Điều 4 của Luật này và cá nhân phát hành xuất bản phẩm nhằm mục đích kinh doanh phải đáp ứng các yêu cầu

sau đây trong quá trình hoạt động, trừ trường hợp nhà xuất bản tự phát hành xuất bản phẩm do mình xuất bản:

a) Cá nhân, người đứng đầu cơ sở phát hành phải thường trú tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về cư trú; trường hợp cơ sở phát hành, cá nhân kinh doanh xuất bản phẩm có chủ sở hữu là tổ chức, cá nhân nước ngoài thực hiện theo quy định của Chính phủ;

b) Có địa điểm kinh doanh hợp pháp tại Việt Nam; trường hợp kinh doanh trên môi trường điện tử phải tuân thủ các điều kiện khác theo quy định của pháp luật về thương mại, giao dịch điện tử;

c) Thực hiện thông báo về việc đáp ứng các yêu cầu quy định tại điểm a, điểm b khoản này trước khi hoạt động, khi có thay đổi thông tin hoạt động, chấm dứt hoạt động phát hành xuất bản phẩm với Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Tổ chức, cá nhân phát hành xuất bản phẩm không nhằm mục đích kinh doanh có trách nhiệm:

a) Bảo đảm nội dung xuất bản phẩm được phát hành không vi phạm quy định khoản 1 Điều 10 của Luật này;

b) Không được kinh doanh xuất bản phẩm thuộc loại không kinh doanh;

c) Tuân thủ quy định của Luật này và pháp luật có liên quan;

d) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về hoạt động phát hành xuất bản phẩm của mình.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.”.

20. Sửa đổi, bổ sung Điều 38 như sau:

“Điều 38. Kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm

1. Cơ sở nhập khẩu, cá nhân kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm phải đáp ứng những yêu cầu sau:

a) Người đứng đầu cơ sở nhập khẩu, cá nhân kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm phải thường trú tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về cư trú;

b) Có địa điểm kinh doanh hợp pháp tại Việt Nam; trường hợp kinh doanh trên môi trường điện tử phải tuân thủ các điều kiện khác theo quy định của pháp luật về thương mại, giao dịch điện tử và pháp luật có liên quan;

c) Trường hợp kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm là sách, bản đồ phải có đội ngũ nhân viên đủ năng lực và có quy chế thẩm định nội dung;

d) Tuân thủ quy định của Luật này và pháp luật có liên quan, phù hợp với Điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

2. Trước khi hoạt động cơ sở nhập khẩu, cá nhân kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm phải thông báo với Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

3. Sau khi hoàn thành việc thông báo theo quy định tại khoản 2 Điều này, cơ sở nhập khẩu, cá nhân kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm được kinh doanh phát hành xuất bản phẩm do mình nhập khẩu theo quy định tại Điều 36 của Luật này do mình nhập khẩu theo quy định tại Điều 36 của Luật này.

4. Trong quá trình hoạt động cơ sở nhập khẩu, cá nhân kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm phải duy trì đầy đủ các yêu cầu tại khoản 1 Điều này.

5. Trường hợp thay đổi nội dung thông tin trong thông báo hoạt động hoặc chấm dứt hoạt động cơ sở nhập khẩu, cá nhân kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm phải gửi thông báo tới Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để cập nhật thông tin vào hệ thống dữ liệu quản lý.

6. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.”.

21. Sửa đổi, bổ sung Điều 39 như sau:

“Điều 39. Nhập khẩu xuất bản phẩm để kinh doanh

1. Việc nhập khẩu xuất bản phẩm để kinh doanh phải do cơ sở nhập khẩu hoặc cá nhân kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 1 Điều 38 của Luật này thực hiện.

2. Trước khi thực hiện thủ tục nhập khẩu, cơ sở nhập khẩu, cá nhân kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm phải thông báo danh mục xuất bản phẩm nhập khẩu với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Sau khi thực hiện việc thông báo, cơ sở nhập khẩu, cá nhân kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm được làm thủ tục nhập khẩu xuất bản phẩm theo quy định của pháp luật về hải quan, trừ trường hợp Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có văn bản yêu cầu không thực hiện thủ tục nhập khẩu theo quy định tại khoản 4 Điều này.

3. Sau khi hoàn thành thủ tục nhập khẩu, cơ sở nhập khẩu, cá nhân kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm có trách nhiệm thẩm định nội dung xuất bản phẩm và thông báo kết quả thẩm định, thời điểm dự kiến đưa xuất bản phẩm vào kinh doanh với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Sau khi thực hiện việc thẩm định và thông báo kết quả thẩm định, cơ sở nhập khẩu, cá nhân kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm được đưa xuất bản phẩm vào kinh doanh, trừ trường hợp Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có văn bản yêu cầu tạm dừng kinh doanh xuất bản phẩm nhập khẩu theo quy định tại khoản 4 Điều này.

4. Đối với xuất bản phẩm có dấu hiệu vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 10 của Luật này, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có quyền yêu cầu cơ sở nhập khẩu, cá nhân kinh doanh xuất bản phẩm nhập khẩu không thực hiện thủ tục nhập khẩu hoặc tạm dừng kinh doanh xuất bản phẩm nhập khẩu và áp dụng các biện pháp xử lý theo quy định của pháp luật.

5. Việc tạm nhập, tái xuất xuất bản phẩm thực hiện theo quy định của pháp luật về hải quan và phải thông báo với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

6. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.”.

22. Sửa đổi, bổ sung Điều 40 như sau:

“Điều 40. Trách nhiệm của cơ sở phát hành, cơ sở nhập khẩu và cá nhân phát hành, nhập khẩu xuất bản phẩm nhằm mục đích kinh doanh

1. Đối với cơ sở phát hành và cá nhân phát hành xuất bản phẩm nhằm mục đích kinh doanh:

- a) Thực hiện quy định tại Điều 36 của Luật này trong quá trình hoạt động;
- b) Báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo quy định hoặc khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;
- c) Không được tàng trữ, phát hành xuất bản phẩm có nội dung quy định tại khoản 1 Điều 10 của Luật này, xuất bản phẩm không có hóa đơn, chứng từ thể hiện nguồn gốc hợp pháp hoặc bị đình chỉ phát hành, thu hồi, tịch thu, cấm lưu hành, tiêu hủy;
- d) Tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật xuất bản do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về hoạt động xuất bản tổ chức;
- đ) Dừng việc phát hành và báo cáo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong trường hợp phát hiện xuất bản phẩm có nội dung quy định tại khoản 1 Điều 10 của Luật này;
- e) Lưu giữ, xuất trình, cung cấp hồ sơ, tài liệu, giấy tờ liên quan đến hoạt động kinh doanh phát hành xuất bản phẩm khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;
- g) Khi phát hiện xuất bản phẩm trên hệ thống của mình có nội dung có dấu hiệu vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 10 của Luật này, cơ sở phát hành hoạt động trên môi trường điện tử hoặc sàn thương mại điện tử phải áp dụng ngay biện pháp ngăn chặn tạm thời, thông báo cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền trong thời hạn do Chính phủ quy định và chấp hành các biện pháp xử lý theo quy định của pháp luật.
- h) Việc vi phạm nghĩa vụ báo cáo định kỳ quy định tại điểm b khoản này từ hai lần trở lên trong một năm là căn cứ để cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xem xét tạm đình chỉ hoạt động phát hành.

2. Đối với cơ sở nhập khẩu và cá nhân nhập khẩu xuất bản phẩm nhằm mục đích kinh doanh:

- a) Tuân thủ quy định tại Điều 38 và Điều 39 của Luật này trong quá trình hoạt động;
- b) Thực hiện trách nhiệm quy định tại các điểm b, c và d khoản 1 Điều này;
- c) Tổ chức thẩm định nội dung xuất bản phẩm nhập khẩu; lưu giữ hồ sơ, kết quả thẩm định; thông báo kết quả thẩm định và thời điểm dự kiến phát hành xuất bản phẩm; quyết định việc phát hành xuất bản phẩm nhập khẩu;

d) Lưu giữ, xuất trình, cung cấp hồ sơ, tài liệu, giấy tờ và chấp hành các quyết định xử lý có liên quan đến hoạt động nhập khẩu xuất bản phẩm của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

đ) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của thông tin thông báo, kết quả thẩm định, quyết định phát hành và tính hợp pháp của xuất bản phẩm nhập khẩu. Việc cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận thông báo, kiểm tra, đối chiếu dữ liệu hoặc có ý kiến trong quá trình quản lý không loại trừ, thay thế hoặc làm giảm trách nhiệm của cơ sở nhập khẩu và cá nhân kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm.”.

23. Sửa đổi, bổ sung Điều 42 như sau:

“Điều 42. Nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh

1. Xuất bản phẩm không kinh doanh gồm các loại sau đây:

a) Tài liệu phục vụ hội thảo, hội nghị quốc tế tại Việt Nam đã được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cho phép tổ chức;

b) Xuất bản phẩm là tài sản của cơ quan, tổ chức, gia đình, cá nhân để sử dụng riêng;

c) Xuất bản phẩm thuộc tiêu chuẩn hành lý mang theo người của người nhập cảnh để sử dụng cho nhu cầu cá nhân;

d) Xuất bản phẩm tặng cho cơ quan, tổ chức, cá nhân gửi qua bưu điện, dịch vụ chuyển phát có giá trị không lớn hơn tiêu chuẩn miễn thuế theo quy định của pháp luật;

đ) Xuất bản phẩm trao đổi, biếu tặng cho Thư viện Quốc gia Việt Nam và các thư viện công lập phục vụ mục đích lưu trữ, học tập;

e) Xuất bản phẩm của cơ quan, tổ chức, cá nhân được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ ngoại giao thực hiện theo quy định của pháp luật hải quan, pháp luật về ưu đãi, miễn trừ dành cho cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự nước ngoài và cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam và điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên;

g) Chính phủ quy định các loại xuất bản phẩm khác nhập khẩu không kinh doanh.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân phải làm thủ tục theo quy định của pháp luật về hải quan và chịu trách nhiệm trước pháp luật về xuất bản phẩm do mình nhập khẩu.

3. Xuất bản phẩm quy định tại khoản 1 Điều này không được kinh doanh dưới mọi hình thức.

4. Xuất bản phẩm quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều này sau khi sử dụng phải tái xuất.

5. Trường hợp xuất bản phẩm nhập khẩu không kinh doanh sau khi sử dụng trao tặng cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân và trường hợp xuất bản phẩm nhập

khẩu gửi qua bưu điện, dịch vụ chuyển phát có giá trị lớn hơn tiêu chuẩn miễn thuế thì thực hiện theo quy định tại Điều 39 Luật này.”.

24. Sửa đổi, bổ sung Điều 44 như sau:

“Điều 44. Triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài trước khi tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm tại Việt Nam phải thực hiện thông báo với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tổ chức triển lãm, hội chợ.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hội chợ, triển lãm mà thực hiện hoạt động kinh doanh phát hành xuất bản phẩm phải đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 36 Luật này.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.”.

25. Sửa đổi, bổ sung tên Chương V như sau:

“CHƯƠNG V

XUẤT BẢN, PHÁT HÀNH XUẤT BẢN PHẨM ĐIỆN TỬ VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ TRUNG GIAN PHÁT HÀNH”

26. Sửa đổi, bổ sung Điều 45 như sau:

“Điều 45. Điều kiện, yêu cầu đối với xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử và cung cấp dịch vụ trung gian phát hành

1. Nhà xuất bản thực hiện xuất bản điện tử khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Có năng lực về thiết bị, công nghệ và nhân lực kỹ thuật để điều hành và quản lý quá trình xuất bản điện tử;

b) Có biện pháp kỹ thuật phù hợp với quy định của pháp luật để ngăn chặn sao chép, can thiệp bất hợp pháp vào nội dung xuất bản phẩm;

c) Có tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” theo quy định của pháp luật để thực hiện xuất bản điện tử trên môi trường Internet và hệ thống thông tin;

d) Trường hợp xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử qua ứng dụng trên thiết bị di động thì ngoài việc tuân thủ các quy định tại các điểm a, điểm b khoản này phải tuân thủ các quy định của pháp luật về quản lý hoạt động thương mại điện tử qua ứng dụng trên thiết bị di động;

đ) Thực hiện đăng ký hoạt động xuất bản xuất bản phẩm điện tử với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; trường hợp kinh doanh phát hành xuất bản phẩm điện tử của tổ chức, cá nhân khác phải thực hiện thông báo theo quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Cơ sở phát hành, cá nhân kinh doanh phát hành xuất bản phẩm điện tử ngoài việc tuân thủ các quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 36 của Luật này phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:

a) Có năng lực thiết bị, công nghệ, nhân lực kỹ thuật để điều hành và quản lý quá trình phát hành xuất bản phẩm điện tử;

b) Có tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” trong trường hợp hoạt động kinh doanh phát hành xuất bản phẩm điện tử trên môi trường Internet và hệ thống thông tin;

c) Xuất bản phẩm điện tử được phát hành phải có nguồn gốc hợp pháp hoặc được phát hành theo quyết định phát hành của giám đốc nhà xuất bản;

d) Phải đáp ứng các yêu cầu tại điểm a và điểm b khoản này trước khi thực hiện thông báo hoạt động kinh doanh phát hành xuất bản phẩm điện tử với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

3. Cơ quan, tổ chức xuất bản và phát hành tài liệu không kinh doanh là xuất bản phẩm điện tử phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:

a) Có năng lực thiết bị, công nghệ và nhân lực kỹ thuật để điều hành và quản lý quá trình phát hành xuất bản phẩm điện tử;

b) Có tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” để thực hiện xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử trên môi trường internet và hệ thống thông tin;

c) Bảo đảm kiểm soát nội dung và phạm vi phát hành xuất bản phẩm điện tử phù hợp với mục đích không kinh doanh.

4. Cơ sở cung cấp dịch vụ trung gian phát hành xuất bản phẩm phải tuân thủ các yêu cầu sau đây:

a) Chỉ cung cấp dịch vụ phát hành xuất bản phẩm cho các tổ chức, cá nhân đáp ứng quy định tại Điều 36 của Luật này;

b) Thiết lập cơ chế quản trị phục vụ việc ngăn chặn, gỡ bỏ hoặc hạn chế truy cập nội dung vi phạm pháp luật về xuất bản theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về xuất bản hoặc cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về an ninh mạng, bảo vệ an ninh quốc gia; thời hạn, trình tự, thủ tục thực hiện theo quy định của Chính phủ;

c) Thực hiện lưu trữ, cung cấp thông tin phục vụ công tác quản lý nhà nước và tuân thủ các quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ, giao dịch điện tử, an ninh mạng và các quy định của pháp luật có liên quan;

d) Áp dụng các giải pháp công nghệ nhận dạng nội dung số để phát hiện và phối hợp với nhà xuất bản, cơ quan quản lý nhà nước ngăn chặn, gỡ bỏ nội dung xuất bản phẩm điện tử vi phạm quyền tác giả, quyền liên quan theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

5. Cơ sở cung cấp dịch vụ trung gian phát hành xuất bản phẩm xuyên biên giới vào Việt Nam phải bảo đảm xuất bản phẩm không có nội dung bị cấm theo quy định tại khoản 1 Điều 10 của Luật này; tuân thủ quy định của pháp luật về thương mại điện tử, an ninh mạng và pháp luật có liên quan.

6. Cơ quan, tổ chức, cá nhân phát hành xuất bản phẩm không nhằm mục đích kinh doanh, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này phải đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 2 Điều này.

7. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.”.

27. Sửa đổi, bổ sung Điều 50 như sau:

“Điều 50. Trách nhiệm tổ chức, cá nhân xuất bản, phát hành, nhập khẩu xuất bản phẩm điện tử

1. Trách nhiệm của người đứng đầu nhà xuất bản:

a) Thực hiện quy định tại các điều 18, 19, 21, 22, 23, 24, 27, 45, 46, 47, 48, 49 và 52 của Luật này;

b) Đảm bảo nội dung xuất bản phẩm điện tử được phát hành đúng với nội dung xuất bản phẩm điện tử nộp lưu chiểu; thực hiện lưu trữ, quản lý và bảo đảm khả năng truy xuất dữ liệu xuất bản phẩm điện tử phục vụ công tác quản lý nhà nước;

c) Thực hiện các biện pháp kỹ thuật ngăn chặn việc can thiệp vào nội dung xuất bản phẩm hoặc loại bỏ xuất bản phẩm vi phạm pháp luật theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

d) Dừng việc phát hành xuất bản phẩm khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

đ) Kiểm tra, giám sát nội dung xuất bản phẩm liên kết và thiết lập hệ thống giám sát hoạt động phát hành trên môi trường số;

e) Không được sao chép, số hóa, lưu trữ, truyền đưa, phát tán hoặc phát hành xuất bản phẩm trên môi trường điện tử, nền tảng số vi phạm quy định của pháp luật về xuất bản và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Trách nhiệm của cơ sở phát hành:

a) Thực hiện quy định tại các điều 23, 45, 46, 47 và 49 của Luật này;

b) Thực hiện đúng nội dung bản thảo đã được tổng giám đốc (giám đốc) nhà xuất bản ký duyệt;

c) Thực hiện các biện pháp kỹ thuật ngăn chặn việc can thiệp vào nội dung xuất bản phẩm hoặc loại bỏ xuất bản phẩm vi phạm pháp luật theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và phối hợp cung cấp thông tin, dữ liệu liên quan phục vụ công tác quản lý nhà nước;

d) Dừng việc phát hành xuất bản phẩm khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

3. Trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức phát hành xuất bản phẩm điện tử là tài liệu không kinh doanh:

a) Thực hiện đúng quy định tại Điều 46 của Luật này và các điểm b, c, d khoản 2 Điều này;

- b) Thực hiện đúng văn bản chấp thuận của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả;
- c) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc phát hành xuất bản phẩm điện tử đồng thời thực hiện lưu trữ và cung cấp dữ liệu phát hành theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước.

4. Trách nhiệm của cá nhân kinh doanh phát hành xuất bản phẩm điện tử:

- a) Thông báo với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trước khi hoạt động, chấm dứt hoạt động kinh doanh phát hành xuất bản phẩm điện tử;
- b) Thực hiện hoạt động kinh doanh đúng nội dung đã thông báo với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- c) Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về cư trú;
- d) Có hoá đơn, chứng từ hoặc tài liệu chứng minh nguồn gốc xuất xứ của xuất bản phẩm được kinh doanh;
- đ) Không kinh doanh phát hành xuất bản phẩm điện tử vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 10 Luật này và xuất bản phẩm điện tử thuộc loại không kinh doanh;
- e) Xuất trình các giấy tờ, tài liệu quy định tại điểm d khoản này với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;
- g) Ngăn chặn, gỡ bỏ xuất bản phẩm có nội dung vi phạm theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và cung cấp dữ liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước.

5. Trách nhiệm của cơ sở cung cấp dịch vụ trung gian phát hành xuất bản phẩm điện tử tại Việt Nam:

- a) Thực hiện quy định tại khoản 4 Điều 45 và điểm c và điểm d khoản 2 Điều này;
- b) Thực hiện hoặc yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ phải thực hiện quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ khi phát hành xuất bản phẩm điện tử;
- c) Ngăn chặn, gỡ bỏ hoặc phối hợp ngăn chặn, gỡ bỏ xuất bản phẩm có nội dung vi phạm theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và cung cấp dữ liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước;
- d) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về hoạt động cung cấp dịch vụ trung gian phát hành xuất bản phẩm.

6. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân phát hành xuất bản phẩm điện tử không nhằm mục đích kinh doanh, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này:

- a) Tuân thủ các quy định tại khoản 6 Điều 45 Luật này và pháp luật về sở hữu trí tuệ, an ninh mạng, giao dịch điện tử và pháp luật có liên quan;
- b) Không kinh doanh xuất bản phẩm điện tử dưới mọi hình thức;

c) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung xuất bản phẩm do mình phát hành.

7. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân nhập khẩu xuất bản phẩm điện tử nhằm mục đích kinh doanh:

a) Tuân thủ quy định tại Điều 38, Điều 39 và khoản 2 Điều 45 của Luật này trong quá trình hoạt động;

b) Báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo quy định hoặc khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền; tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật xuất bản do cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản tổ chức;

c) Không nhập khẩu xuất bản phẩm có nội dung quy định tại khoản 1 Điều 10 của Luật này, xuất bản phẩm không có hóa đơn, chứng từ thể hiện nguồn gốc hợp pháp hoặc bị đình chỉ phát hành, thu hồi, tịch thu, cấm lưu hành, tiêu hủy;

d) Tổ chức thẩm định nội dung xuất bản phẩm nhập khẩu; lưu giữ hồ sơ, kết quả thẩm định; thông báo kết quả thẩm định và thời điểm dự kiến phát hành xuất bản phẩm; quyết định việc phát hành xuất bản phẩm;

đ) Lưu giữ, xuất trình, cung cấp hồ sơ, tài liệu, giấy tờ và chấp hành các quyết định xử lý có liên quan đến hoạt động nhập khẩu xuất bản phẩm điện tử của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

e) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của thông tin thông báo, kết quả thẩm định, quyết định phát hành và tính hợp pháp của xuất bản phẩm điện tử nhập khẩu.”.

28. Sửa đổi, bổ sung Điều 51 như sau:

“Điều 51. Nhập khẩu xuất bản phẩm điện tử

1. Nhập khẩu xuất bản phẩm điện tử để kinh doanh được thực hiện dưới các hình thức sau đây:

a) Nhập khẩu quyền truy cập xuất bản phẩm điện tử, tệp điện tử mang nội dung xuất bản phẩm để cung cấp cho người sử dụng tại Việt Nam;

b) Nhập khẩu xuất bản phẩm điện tử được chứa trong thiết bị, phương tiện hoặc vật mang tin;

c) Các hình thức nhập khẩu khác.

2. Xuất bản phẩm điện tử nhập khẩu phải có nguồn gốc hợp pháp, bảo đảm quyền khai thác hợp pháp và không có nội dung vi phạm khoản 1 Điều 10 của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Cơ sở nhập khẩu, cá nhân nhập khẩu phải bảo đảm khả năng lưu trữ, quản lý và truy xuất xuất bản phẩm điện tử nhập khẩu phục vụ công tác thẩm định, thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm; trường hợp không thể lưu giữ đầy đủ nội

dung hoặc dữ liệu cần thiết phải có giải pháp thay thế bảo đảm khả năng truy xuất, đối chiếu theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.”.

29. Bãi bỏ, thay thế một số quy định của Luật Xuất bản như sau:

a) Bãi bỏ các cụm từ “cấp đổi”, “gia hạn” tại khoản 2 Điều 8;

b) Bãi bỏ Điều 9, Điều 15, Điều 37, Điều 41;

c) Thay thế cụm từ “Bộ Thông tin và Truyền thông” bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh” tại khoản 1 Điều 8;

d) Thay thế cụm từ “Bộ Thông tin và Truyền thông” bằng cụm từ “Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch” tại điểm c khoản 1 Điều 18, điểm c, d khoản 1 Điều 19, khoản 1 và khoản 3 Điều 29, khoản 1 Điều 35.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung Danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13

1. Bãi bỏ “Lệ phí đăng ký nhập khẩu xuất bản phẩm để kinh doanh” quy định tại số thứ tự 11.1 Mục III Danh mục lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội đã được sửa đổi, bổ sung tại các luật có liên quan.

2. Bãi bỏ “Lệ phí cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh” quy định tại số thứ tự 11.2 Mục III Danh mục lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội đã được sửa đổi, bổ sung tại các luật có liên quan.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Luật này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 03 năm 2027. Riêng quy định tại khoản 18 Điều 1 của Luật này có hiệu lực từ ngày 01/01/2029.

2. Quy định chuyển tiếp:

a) Cơ sở in đã được cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành mà có chi nhánh theo quy định tại khoản 10 Điều 4 của Luật này thì chi nhánh đó phải đề nghị cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành;

b) Cơ sở in đã được cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành mà đến ngày Luật này có hiệu lực thi hành, được tiếp tục hoạt động và không phải cấp lại giấy phép khi đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại Điều 32 của Luật Xuất bản số 19/2012/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật này.

c) Cơ sở phát hành, cơ sở phát hành xuất bản phẩm điện tử đã được cấp giấy xác nhận đăng ký hoạt động theo quy định tại Điều 37, Điều 45 của Luật Xuất bản số 19/2012/QH13 trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành mà có chi nhánh, địa điểm kinh doanh hoặc địa điểm kinh doanh của chi nhánh đặt khác địa

chỉ trụ sở chính thì phải thực hiện thông báo hoạt động kinh doanh phát hành xuất bản phẩm đối với chi nhánh, địa điểm kinh doanh, địa điểm kinh doanh của chi nhánh với cơ quan có thẩm quyền trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành;

d) Hộ kinh doanh và cá nhân kinh doanh phát hành xuất bản phẩm, kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm, kinh doanh phát hành xuất bản phẩm điện tử có hoạt động kinh doanh trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành phải thực hiện thông báo hoạt động theo quy định của Luật này trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành;

đ) Đối với hồ sơ đề nghị cấp các loại giấy phép, giấy xác nhận đăng ký đã được nộp trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành mà chưa có kết quả thì việc giải quyết tiếp tục thực hiện theo quy định của Luật Xuất bản số 19/2012/QH13 và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành.

Trường hợp theo quy định của Luật này không còn áp dụng thủ tục cấp phép hoặc đăng ký mà chuyển sang thực hiện thông báo thì áp dụng quy định của Luật này;

e) Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành, cơ quan có thẩm quyền ở trung ương và cấp tỉnh đã cấp giấy phép hoạt động, giấy xác nhận đăng ký hoạt động theo quy định của Luật Xuất bản số 19/2012/QH13 trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành có trách nhiệm chuyển giao hồ sơ cấp giấy phép, giấy xác nhận đăng ký hoạt động đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Luật này đối với trường hợp thẩm quyền quản lý được thay đổi để cập nhật và tiếp tục quản lý./.

Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa, kỳ họp thứ thông qua ngày.....thángnăm...

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Trần Thanh Mẫn